

DANH SÁCH HOÀN TIỀN BẢO HIỂM
ĐỢT CUỐI NĂM 2021
(hình thức nhận tiền mặt)

STT	MSSV	TÊN	Ngày sinh	SỐ TIỀN	Lí do	Ghi chú
1	2011150098	Hà Thị Thùy Linh	22/4/1996	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
2	2051200045	Ngô Quốc Vương	19/8/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
3	2011150042	Phan Thị Thúy Vy	23/1/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
4	2051010056	Phạm Thu Phương Ánh	4/10/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
5	2011210027	Huỳnh Thanh Duy	10/3/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
6	1951010253	Trần Thế Bảo	20/1/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
7	2051010068	Hoàng Dũng	30/3/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
8	1651010447	Phạm Thị Quỳnh Thao	22/12/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
9	1751010038	Hồ Thị Khánh Trang	19/6/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
10	1751010399	Đặng Thị Mộng Phi	2/12/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
11	1753020034	Nguyễn Huỳnh Gia Thuận	9/4/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
12	2010000040	Lương Hồng Ngọc	4/6/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
13	1753020073	Phạm Bá Thiên Phú	27/2/1998	234,675	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021 (5 tháng đầu)	hoàn 5 tháng
14	1851010174	Trương Nhật Linh	23/3/2000	-	-	chuyển qua 1CK
15	1751010084	Trương Hoàng Yến	15/4/1999	187,740	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021 (4 tháng đầu)	hoàn 4 tháng
16	2011150002	Trần Vĩnh Kỳ	15/1/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
17	1951010304	Nguyễn Trung Phát	5/3/2000	187,740	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021 (4 tháng đầu)	hoàn 4 tháng
18	1651010194	Lại Thị Kim Ngân	26/4/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
19	1851010115	Trương Minh Ngọc	13/4/2000	234,675	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021 (5 tháng đầu)	hoàn 5 tháng
20	1811020027	Vương Đài Lương	6/1/2000	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
21	1951010115	Lý Trần Phú Thịnh	15/6/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
22	1956060034	Lâm Thế Công	14/6/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
23	1651010287	Nguyễn Thị Trúc Tình	10/2/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
24	1651010245	Nguyễn Quốc Quang	9/5/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
25	1911150060	Nguyễn Ngọc Tú	26/10/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
26	1751010246	Lưu Thị Xuân Quỳnh	19/01/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
27	1651010527	Lê Thanh Thảo	13/4/1998	140,805	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
28	1911210029	Vũ Hồng Anh	13/9/2001	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
29	1751010445	Lê Thị Tường Vi	18/9/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
30	1910000032	Nguyễn Thái Sơn	14/12/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
31	1811210049	Bùi Vĩnh Nghi	31/1/2000	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
32	1651010074	Trần Thị Thúy Ngọc	9/7/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
33	1951010168	Nông Thị Nam	1/5/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
34	1751010117	Nguyễn Thị Loan	6/12/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
35	2012090004	Lương Lê Thụy Thảo My	3/7/2002	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
36	1851010109	Phan Thị Ngọc Tuyền	6/2/2000	0	-	Chuyển qua 15CK
37	1811010015	Trần Duy Lâm	15/12/1996	0	-	Chuyển qua 18CK
38	1751010022	Lê Thanh Trúc	8/5/1999	281,610	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021 (6 tháng đầu)	hoàn 6 tháng

Nguyễn Quốc Quang 21/10/2021
Nguyễn Quốc Quang 21/10/2021

Thảo LTT 21/10/2021



39	1911150190	ĐẶNG ĐĂNG TRIỀU	11/2/1998	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2020	
40	1651010371	TÔ ĐỨC TỊNH	19/02/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
41	1711210040	VŨ NGỌC BẢO TRẦN	5/12/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
42	1711210030	NGUYỄN THỊ LAN ANH	18/07/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
43	1751010378	Vũ Thị Ngọc Anh	25/07/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
44	1751010037	Phạm Trần Tổ Khanh	18/2/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
45	1751010180	Trần Thị Hôn	17/01/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
46	2051002045	Ngô Quốc Vương	19/08/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
47	2051010409	Đặng Thị Tuyết Hạnh	20/4/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
48	1753020031	Lưu Thị Ngọc Trâm	14/09/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
49	2011150098	Hà Thị thủy linh	22/4/1996	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
50	2011150076	Nguyễn Thị Kim Nguyên	26/07/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
51	2011150042	Phan Thị Thúy Vy	23/01/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
52	1911150060	Nguyễn Ngọc Tú	26/10/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
53	2011150056	Nguyễn Mai Thành Lộc	1/4/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	tên DS đợt 1-2021
54	1951010304	nguyễn trung phát	3/5/2000	187,740	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021 (4 tháng đầu)	hoàn 4 tháng
55	1951010312	Đoàn Huỳnh Anh Thư	7/7/2001	0	-	Chuyển qua 5CK
56	1753020071	Bùi Trường Giang	16/02/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
57	2051010079	Lưu Mỹ Hoa	15/10/2002	469,350	Có thể BHYT DN 10 tháng cuối năm 2021	Hoàn 10 tháng
58	1751010266	Nguyễn Ngọc Tuyết	27/01/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
59	1751010058	Trần Thảo Hà My	23/01/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
60	1751010068	Hoàng Châu Ngọc Hà	5/1/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
61	2011150029	Nguyễn Hải Sơn	12/7/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
62	1851010189	Nguyễn Lê Ngọc	27/06/2000	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
63	2011150170	Trần Như Anh	9/4/2002	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
64	2011150015	Nguyễn Thị Kiều Oanh	21/05/2001	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
65	1811150060	Nhữ Thị Như Quỳnh	17/07/2000	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
66	2051010171	Phan Nhật Hào	18/04/2002	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
67	1851010324	Nguyễn Thị Nga	1/12/2000	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
68	1911150004	Trần Hoàng Mai	18/02/1999	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
69	1851010080	Nguyễn Thị Thu Phương	19/01/2000	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
70	1811150006	Hoàng Thị Dung	25/11/2000	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
71	2053020111	Lê Trung Kiên	23/8/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
72	1910000048	Lê Tấn Lân	3/2/2001	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
73	1851010166	Hồ Văn Ngọc Khánh	27/09/2000	375,480	Có thể BHYT DN 8 tháng cuối năm 2021	hoàn 8 tháng
74	2011150175	Trần Lê Thuý Dương	1/11/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
75	2011150090	Nguyễn Thanh Lam	26/10/2002	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
76	1651010147	Đoàn Thị Ngọc Thịnh	18/11/1998	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
77	1751010069	Nguyễn Ngọc Tâm	10/2/1999	1,126,440	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương 2020 và 2021	hoàn 2 năm
78	1651200054	Nông Lâm Ngọc Nhung	7/1/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
79	1751010056	Nguyễn Chánh Tiến	2/5/1999	1,126,440	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương 2020 và 2021	hoàn 2 năm
80	1651010531	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	29/09/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	
81	1911010010	Hồ Văn Vũ	14/01/1998	563,220	Có thể BHYT ưu tiên/tại địa phương	

82	2011150009	Trần Hồng Nhi	10/12/2002	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
83	1751010081	Nguyễn Hữu Đăng	12/12/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
84	2011150154	Trần Phúc Nguyên	23/08/2002	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
85	1951010408	Cao Thị Thanh Thương	27/06/2001	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ đăng kí năm 2021	
86	1851010287	Lê Trần Phương Quỳnh	21/09/2000	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
87	1851010003	Nguyễn Ngọc Quỳnh	27/3/2000	1,126,440	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2020-2021	hoàn 2 năm
88	2051010398	Vũ Đức Long	6/9/2002	281,610	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021 (6 tháng đầu)	hoàn 6 tháng
89	1953020085	Lê Hoàng Anh	20/12/2001	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
90	1853020018	Đinh Xuân An	1/1/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
91	1853020053	Nguyễn Phương Phương	7/7/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
92	1753020025	TRẦN HUY HIẾN	23/12/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
93	1951010316	Phan Ngọc Quỳnh Anh	02/10/2001	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
94	1753020039	NGUYỄN PHÁT THỊNH	24/7/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
95	1911010020	Trần Đoàn Khả Ái	13/3/2001	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
96	2010000008	Chu Tiến Sỹ	20/10/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
97	1753020019	KA TƠ LINH	5/3/1999	1,126,440	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương 2020 và 2021	hoàn 2 năm
98	1751010316	Đoàn Thảo Nhi	27/11/1999	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
99	1953020076	Trần Tuấn Thanh	10/2/2001	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
100	1651010063	Nguyễn Ngọc Diễm Hương	8/7/1998	1,126,440	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương 2020 và 2021	hoàn 2 năm
101	1751010224	LƯU VĂN THÀNH	22/12/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
102	1753020040	PHAN HỮU NHUẬN	7/11/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
103	1951010235	Đinh Bảo Vy	25/5/2001	563,220	Bảo lưu năm 2021 theo QĐ 1280	
104	1951010177	Nguyễn Thị Lâm	11/1/2001	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
105	1951010027	Nguyễn Thị Thanh Thuý	28/6/2001	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
106	1751010436	Ngô Kim Uyên	3/11/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
107	2051010025	Nguyễn Thị Hằng Phương	4/12/2002	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
108	1751010403	Huỳnh Ái Vi	7/9/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
109	1911010017	Nông Phan Trường Kỳ	24/4/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
110	1811210038	Nguyễn Thị Thanh Uyên	10/6/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
111	1851010359	Trần Thị Yến Phương	11/6/2000	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
112	1753020067	Trương Vòng Thế Long	29/12/1999	1,126,440	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương 2020 và 2021	hoàn 2 năm
113	1951010347	Trần Ngọc Sương	6/1/2001	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
114	1851010316	Phan Mai Hải Giang	09/01/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
115	1751010094	NGUYỄN NHÃ TRÚC VY	29/5/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
116	1851010262	LÊ THỊ HUYỀN	12/2/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
117	2051010329	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	16/10/2002	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
118	1851010280	HOÀNG THỊ THUY TIẾN	20/4/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
119	1751010072	Nguyễn Hoàng Ngọc Trâm	4/6/1999	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
120	2051010293	Bê Thị Kiều Trinh	16/2/2002	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
121	1751200036	Nguyễn Hữu Dũng	3/2/1999	1,126,440	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương 2020 và 2021	hoàn 2 năm
122	1851010271	Nguyễn Vương Ngọc Phươ	16/3/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	

123	1951010079	Nguyễn Hoài Linh	28/9/2001	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
124	1853020027	Nguyễn Minh Hiếu	3/5/2000	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
125	1756060009	Nguyễn Thị Thùy Dung	10/11/1999	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
126	2051010343	Lê Văn	11/11/2002	563,220	Chưa hoàn tất hồ sơ năm 2021	
127	1751010347	Bùi Lại Hoàng Phú	22/8/1999	563,220	Có thẻ BHYT ưu tiên/tại địa phương	
Thành tiền				70,167,825	(Bảy mươi triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng)	

NGƯỜI LẬP



Lê Bảo Huy

TRƯỞNG PHÒNG
P. TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



Nguyễn Thanh Tuấn

TRƯỞNG PHÒNG
P. KẾ HOẠCH- TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Anh Thy

TP. HCM, ngày 05 tháng 10 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng



DANH SÁCH HOÀN TIỀN BẢO HIỂM NĂM 2022
CHO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THÁNG 10 NĂM 2021
(hình thức nhận tiền mặt)

STT	Họ tên	Lớp	MSSV	Ngày/ tháng/ năm sinh	Số Tiền	ngày đóng BHYT 2022
1	Dương Tuấn Dũng	18CĐKL01-K2	1811210002	21/7/1998	563,220	6/9/2021
2	NGUYỄN NGỌC QUYNH NHƯ'	18CĐKL01	1811210039	31/10/2000	563,220	6/9/2021
3	ĐÀO LÊ PHƯƠNG THẢO	18CĐKL01	1811210021	11/11/2000	563,220	6/9/2021
4	Phạm Quỳnh Như	18CĐKL01	1811210015	8/12/2000	563,220	6/9/2021
5	Phan Chí Tài	18CĐKL01	1811210013	10/9/2000	563,220	6/9/2021
Thành tiền					2,816,100	
						<i>(hai triệu tám trăm mười sáu nghìn một trăm đồng)</i>

TP. HCM, ngày 05 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP



Lê Bảo Huy

TRƯỞNG PHÒNG
P. TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



Nguyễn Thanh Tuấn

TRƯỞNG PHÒNG
P. KẾ HOẠCH- TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Anh Thy



Nguyễn Thị Hải Hằng